

HƯỚNG DẪN

Nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm theo Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

1.2. Đối tượng áp dụng

- Đối tượng vay vốn được quy định tại khoản 2 văn bản này.
- Đơn vị, cá nhân thuộc NHCSXH.
- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

2. Đối tượng vay vốn

2.1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cơ sở sản xuất, kinh doanh).

2.2. Người lao động.

2.3. Đối với nguồn vốn tổ chức, cá nhân ủy thác cho NHCSXH thì tổ chức, cá nhân ủy thác quyết định đối tượng vay vốn.

Đối tượng vay vốn tại khoản này gọi chung là khách hàng vay vốn.

3. Nguyên tắc vay vốn

3.1. Khách hàng vay vốn phải sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay.

3.2. Khách hàng vay vốn phải trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi.

4. Điều kiện vay vốn

4.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

a) Có phương án sử dụng vốn vay khả thi phù hợp với ngành, nghề sản xuất, kinh doanh nhằm hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

b) Thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và của NHCSXH (nếu có).

4.2. Đối với người lao động

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

b) Có phương án sử dụng vốn vay để tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

5. Mức cho vay

5.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, mức cho vay tối đa là 10 tỷ đồng và không quá 200 triệu đồng cho 01 người lao động được hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm.

5.2. Đối với người lao động, mức cho vay tối đa là 200 triệu đồng.

5.3. Trường hợp điều kiện kinh tế – xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức cho vay tối đa cao hơn mức cho vay quy định tại điểm 5.1 và điểm 5.2 khoản này đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH.

5.4. Tổng dư nợ các phương án vay vốn với mục đích hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm của cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc người lao động tại NHCSXH tại cùng một thời điểm không vượt mức cho vay tối đa theo quy định tại điểm 5.1, điểm 5.2 hoặc điểm 5.3 khoản này.

5.5. Căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn, NHCSXH thỏa thuận thống nhất với khách hàng vay vốn để xem xét, quyết định mức cho vay cụ thể.

6. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa là 120 tháng. Thời hạn cho vay cụ thể do NHCSXH xem xét căn cứ vào nguồn vốn, khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn để thỏa thuận với khách hàng vay vốn.

7. Lãi suất cho vay

7.1. Lãi suất cho vay đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh; người lao động bằng 127% lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định (hiện nay là 7,9248%/năm).

7.2. Các trường hợp sau đây được cho vay với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo từng thời kỳ do Thủ tướng Chính phủ quy định (hiện nay là 6,24%/năm):

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên thuộc ít nhất một trong các đối tượng sau: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

b) Người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo.

c) Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Người lao động là người khuyết tật; người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng; người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng.

đ) Đối tượng khác do Chính phủ quyết định căn cứ tình hình kinh tế - xã hội và yêu cầu cho vay vốn giải quyết việc làm.

7.3. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các đối tượng khác đối tượng quy định tại điểm 7.2 khoản này được vay vốn với mức lãi suất thấp hơn (nếu có).

7.4. Lãi suất nợ quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay theo quy định tại điểm 7.1 và 7.2 khoản này.

8. Điều kiện bảo đảm tiền vay

8.1. Đối với mức vay trên 200 triệu đồng, cơ sở sản xuất, kinh doanh phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và quy định của NHCSXH.

8.2. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương bảo đảm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay cao hơn mức vay quy định tại điểm 8.1 khoản này.

9. Phương thức cho vay

9.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

NHCSXH thực hiện cho vay trực tiếp tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay. Cơ sở sản xuất, kinh doanh có phương án sử dụng vốn vay tại địa điểm kinh doanh được lập/đăng ký theo quy định của pháp luật thuộc địa bàn do NHCSXH nơi cho vay quản lý.

9.2. Đối với người lao động

NHCSXH nơi cho vay thực hiện cho vay trực tiếp có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội nơi người lao động cư trú. Người lao động có phương án sử dụng vốn vay thuộc địa bàn do NHCSXH nơi cho vay quản lý.

10. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

10.1 Hồ sơ vay vốn

a) Hồ sơ do cơ sở sản xuất, kinh doanh lập và cung cấp

- Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (mẫu số 02/GQVL).

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động như sau:

+ Đối với Doanh nghiệp nhỏ và vừa là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; đối với Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; đối với Liên hiệp Hợp tác xã là Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã; đối với Tổ hợp tác là Giấy chứng nhận đăng ký Tổ hợp tác; đối với Hộ kinh doanh là Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; giấy phép kinh doanh có điều kiện hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

+ Căn cước/căn cước công dân của người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Bản gốc/Bản chính/Bản sao có chứng thực: văn bản cử người đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã về việc thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH (nếu có). Đối với tổ hợp tác và hộ kinh doanh có từ hai thành viên trở lên: văn bản ủy quyền có công chứng hoặc chứng thực do các thành viên ủy quyền cho một thành viên là người đại diện Tổ hợp tác, hộ kinh doanh thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn tại NHCSXH.

- Bản sao có chứng thực: Điều lệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã (nếu có).

- Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh là Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã: Bản gốc/Bản chính Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật trong 02 năm liền kề và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay vốn. Nếu Doanh nghiệp nhỏ và vừa, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã có thời gian hoạt động dưới 02 năm thì gửi báo cáo tài chính năm đã hoạt động (nếu có) và báo cáo nhanh về tình hình tài chính kể từ đầu năm tài chính đến thời điểm vay.

- Bản gốc/Bản chính Danh sách người lao động của cơ sở sản xuất, kinh doanh (mẫu số 09/GQVL).

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các giấy tờ chứng minh đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo quy định tại tiết a điểm 7.2 khoản 7 văn bản này:

Giấy xác nhận khuyết tật đối với người lao động là người khuyết tật; Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù đối với người lao động là người đã chấp hành xong án phạt tù; Giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc đối với người lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; Giấy chứng nhận chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với người lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về dân tộc hoặc bản chụp thông tin về dân tộc tại tài khoản định danh điện tử mức độ 02 đối với người lao động là người dân tộc thiểu số.

- Các giấy tờ chứng minh về tài sản bảo đảm tiền vay trong trường hợp khoản vay phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định.

b) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập

- Phiếu tiếp nhận hồ sơ vay vốn (mẫu số 03/GQVL).

- Báo cáo thẩm định (mẫu số 05/GQVL).

- Thông báo phê duyệt cho vay (mẫu số 04a/GQVL).

- Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/GQVL).

c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, cơ sở sản xuất kinh doanh cùng lập: Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07a/GQVL).

d) Hồ sơ bảo đảm tiền vay thực hiện theo quy định của NHCSXH (nếu có).

10.2. Quy trình, thủ tục cho vay

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh gửi hồ sơ quy định tại tiết a điểm 10.1 khoản 10 văn bản này tới NHCSXH nơi cho vay.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ vay vốn của cơ sở sản xuất, kinh doanh, Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tín dụng thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, lập Báo cáo thẩm định (mẫu số 05/GQVL), trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt. Đồng thời lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04a/GQVL) gửi cơ sở sản xuất, kinh doanh. Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh không đủ điều kiện phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay lập Thông báo từ chối cho vay (mẫu số 04b/GQVL) gửi cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Sau khi có kết quả phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng cơ sở sản xuất, kinh doanh lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07a/GQVL).

- Trường hợp phải thực hiện bảo đảm tiền vay, NHCSXH nơi cho vay và bên thế chấp thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật và NHCSXH.

- Sau khi hồ sơ vay vốn được hoàn thiện, cán bộ tín dụng được phân công bàn giao cho bộ phận kế toán để thực hiện giải ngân cho cơ sở sản xuất, kinh doanh.

11. Hồ sơ, quy trình thủ tục cho vay đối với người lao động

11.1. Hồ sơ vay vốn

a) Hồ sơ do khách hàng lập và cung cấp

- Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (mẫu số 01/GQVL).

- Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu các giấy tờ chứng minh đối với người lao động thuộc đối tượng ưu tiên được vay với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay đối với hộ nghèo theo quy định tại tiết b, c, d điểm 7.2 khoản 7 văn bản này:

+ Người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo: Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về dân tộc và giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thuộc hộ nghèo. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ cùng khách hàng vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về dân tộc của khách hàng vay vốn trong ứng dụng VNeID; in bản chụp thông tin về dân tộc, ghi ngày, tháng, năm và cùng ký, ghi rõ họ tên trên bản chụp.

+ Người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn: Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thông tin về nơi ở hiện tại và giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp chứng minh thuộc hộ nghèo. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ cùng khách hàng vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về nơi ở hiện tại của khách hàng vay vốn trong ứng dụng VNeID; in bản chụp thông tin về nơi ở hiện tại, ghi ngày, tháng, năm và cùng ký, ghi rõ họ tên trên bản chụp.

+ Người lao động là người khuyết tật: Giấy xác nhận khuyết tật.

+ Người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng hoặc giấy xác nhận khuyết tật đặc biệt nặng; giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền chứng minh về thông tin thành viên hộ gia đình, cư trú đối với người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng. Trường hợp người lao động có tài khoản định danh điện tử mức độ 02, người tiếp nhận hồ sơ cùng khách hàng vay vốn đối chiếu và xác nhận thông tin về thành viên hộ gia đình có cùng thông tin cư trú trong ứng dụng VneID; in bản chụp thông tin cư trú, ghi ngày, tháng, năm và cùng ký, ghi rõ họ tên trên bản chụp.

+ Người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng: Quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng hoặc quyết định nhận chăm sóc, nuôi dưỡng.

b) Hồ sơ do Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) lập

- Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10C/TD).

- Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD).

c) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay lập: Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD).

d) Hồ sơ do NHCSXH nơi cho vay, khách hàng vay vốn cùng lập: Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07b/GQVL).

11.2. Quy trình, thủ tục cho vay

- Khách hàng gửi hồ sơ quy định tại tiết a điểm 11.1 khoản 11 văn bản này cho Tổ TK&VV tại nơi khách hàng đang cư trú hợp pháp.

Nếu khách hàng chưa là tổ viên Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tổ chức họp kết nạp bổ sung tổ viên, kể cả trường hợp khách hàng vay vốn thuộc hộ gia đình mà hộ gia đình đó đã là thành viên của Tổ TK&VV.

- Tổ TK&VV nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng vay vốn, tiến hành họp tổ để bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên hồ sơ vay vốn, sau đó lập Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm Phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/GQVL) trình UBND cấp xã xác nhận, sau đó gửi đến NHCSXH nơi cho vay.

- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ vay vốn, Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công cán bộ tín dụng thực hiện kiểm tra, đối chiếu tính hợp pháp, hợp lệ của bộ hồ sơ vay vốn, trình Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ kiểm soát, trình Giám đốc NHCSXH nơi cho vay xem xét, phê duyệt.

- NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) cho UBND cấp xã để thông báo cho khách hàng. Nếu phê duyệt cho vay, NHCSXH nơi cho vay cùng khách hàng lập Hợp đồng tín dụng (mẫu số 07b/GQVL). Khách hàng đến trụ sở NHCSXH hoặc điểm giao dịch xã làm thủ tục nhận tiền vay.

12. Tài khoản của khách hàng vay vốn mở tại NHCSXH

12.1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện mở tài khoản thanh toán tại NHCSXH nơi cho vay. Việc mở tài khoản thanh toán được thực hiện theo quy định của NHCSXH. Thời điểm mở tài khoản thanh toán thực hiện trước khi NHCSXH nơi cho vay giải ngân.

12.2. Đối với người lao động thực hiện mở tài khoản tổ viên Tổ TK&VV theo quy định của NHCSXH.

13. Giải ngân

13.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

NHCSXH nơi cho vay giải ngân bằng chuyển khoản vào tài khoản thanh toán theo đề nghị của khách hàng vay vốn.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh có thể đề nghị giải ngân một hay nhiều lần theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Mỗi lần giải ngân, cơ sở sản xuất, kinh doanh viết Giấy đề nghị giải ngân (mẫu số 10/GQVL) gửi NHCSXH nơi cho vay làm căn cứ phê duyệt giải ngân.

13.2. Đối với người lao động: NHCSXH nơi cho vay giải ngân bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản thanh toán theo đề nghị của khách hàng vay vốn.

14. Định kỳ hạn trả nợ gốc, trả lãi

14.1. Định kỳ hạn trả nợ gốc

a) Đối với cho vay có thời hạn từ 12 tháng trở xuống: trả nợ gốc một lần khi đến hạn.

b) Đối với cho vay có thời hạn trên 12 tháng đến 60 tháng: định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 24 tháng/kỳ.

c) Đối với cho vay có thời hạn trên 60 tháng: định kỳ hạn trả nợ gốc tối đa 36 tháng/kỳ.

d) Trường hợp cơ sở sản xuất, kinh doanh nhận tiền vay nhiều lần, việc định kỳ hạn trả nợ gốc được xác định kể từ ngày khách hàng nhận tiền vay lần đầu tiên. Khi khách hàng nhận tiền vay lần cuối cùng của khoản vay, nếu số tiền vay thấp hơn số tiền đã được phê duyệt cho vay thì NHCSXH nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận điều chỉnh lại số tiền phải trả của các kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc thời hạn cho vay và ghi vào phụ lục Hợp đồng tín dụng phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ.

14.2. Kỳ hạn trả lãi: Định kỳ trả lãi theo tháng. Nếu khách hàng vay vốn chưa trả hết lãi của kỳ này thì chuyển sang thu vào kỳ kế tiếp.

15. Thu nợ gốc, thu lãi

15.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, NHCSXH nơi cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của khách hàng mở tại NHCSXH để thu nợ gốc, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

15.2. Đối với người lao động, NHCSXH nơi cho vay thực hiện thu nợ gốc, thu lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và cách thức thực hiện theo quy định của NHCSXH.

15.3. Khách hàng vay vốn có thể trả nợ gốc trước hạn. Đối với người lao động có thể trả bằng tiền mặt hoặc trả vào tài khoản tổ viên của khách hàng. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh trả vào tài khoản thanh toán của khách hàng.

Trường hợp khách hàng vay vốn trả vào tài khoản tổ viên/tài khoản thanh toán:

- Khách hàng vay vốn nộp tiền vào tài khoản tổ viên/tài khoản thanh toán, nội dung nộp tiền ghi rõ: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” trên Giấy nộp tiền và thông tin cho NHCSXH nơi cho vay để làm cơ sở thực hiện thu nợ.

- Khách hàng vay vốn chuyển khoản vào tài khoản tổ viên/tài khoản thanh toán, nội dung chuyển khoản ghi rõ: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” và thông tin cho NHCSXH nơi cho vay để làm cơ sở thực hiện thu nợ.

15.4. Thứ tự thu nợ gốc, lãi của khoản vay thực hiện theo quy định của NHCSXH.

16. Kiểm tra, giám sát

16.1. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày giải ngân lần cuối, NHCSXH nơi cho vay trực tiếp thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay. Kết quả kiểm tra phải ghi vào Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/GQVL). Trường hợp khách hàng vay vốn đề nghị giải ngân nhiều lần, căn cứ hồ sơ đề nghị giải ngân của khách hàng (đề nghị giải ngân lần thứ hai trở đi), cán bộ được Giám đốc NHCSXH nơi cho vay phân công tiến hành kiểm tra và ghi nhận kết quả kiểm tra vào Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/GQVL), nếu đủ điều kiện thì tiến hành giải ngân và đề nghị khách hàng ký nhận nợ vào Phụ lục Hợp đồng tín dụng, phân theo dõi cho vay.

- NHCSXH có trách nhiệm kiểm tra, giám sát quá trình vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay và trả nợ của cơ sở sản xuất, kinh doanh, hiện trạng tài sản bảo đảm (nếu có) nhằm đôn đốc cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện đúng và đầy đủ những cam kết đã thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng.

16.2. Đối với người lao động

Thực hiện theo các quy định hiện hành về nghiệp vụ ủy thác cho vay qua các tổ chức chính trị - xã hội. Kết quả kiểm tra phải được ghi vào Phiếu kiểm tra sử dụng vốn vay (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD).

16.3. Đối với trường hợp vay vốn để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh, khách hàng vay vốn có trách nhiệm lưu giữ và cung cấp tài liệu hóa đơn/chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay NHCSXH đúng mục đích xin vay. Khi kiểm tra, cán bộ kiểm tra ghi nhận tài liệu/hóa đơn/chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay trên Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/GQVL) đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc Biên bản kiểm tra (mẫu số 06/TD hoặc 06A/TD) đối với người lao động.

16.4. Việc thực hiện kiểm tra giám sát của chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh đối với Phòng giao dịch NHCSXH và bộ phận cho vay tại hội sở NHCSXH cấp tỉnh, ngoài việc thực hiện kiểm tra theo quy định, đối với những món vay từ 02 tỷ đến 10 tỷ đồng: NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát trong phạm vi tối đa 180 ngày kể từ ngày NHCSXH nơi cho vay giải ngân lần cuối cùng.

Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình, thủ tục cho vay; tính đầy đủ, hợp lệ, hợp pháp của Hồ sơ vay vốn, Hồ sơ tài sản bảo đảm; kiểm tra thực tế việc sử dụng vốn vay của khách hàng, hiện trạng tài sản bảo đảm và kiểm tra các nội dung liên quan khác.

16.5. Ngoài ra, NHCSXH nơi cho vay có thể kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền hoặc xuất phát từ nhu cầu thực tế của NHCSXH nơi cho vay.

17. Xử lý nợ đến hạn

17.1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc

a) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, thì trước ít nhất 05 ngày đến kỳ hạn trả nợ phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (mẫu số 08/GQVL) gửi NHCSXH nơi cho vay để xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho 01 kỳ hạn trả nợ có thể một hoặc nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn của 01 kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ được NHCSXH nơi cho vay phê duyệt được lưu tại bộ phận kế toán.

b) Đối với người lao động chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi thu vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

17.2. Gia hạn nợ

- Thời gian gia hạn nợ tối đa là 12 tháng đối với các khoản cho vay ngắn hạn và tối đa bằng 1/2 thời hạn cho vay đối với các khoản cho vay trung và dài hạn (tính theo thời gian cho vay ban đầu khi ký kết vay vốn).

- Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, khách hàng không có khả năng trả được nợ và có nhu cầu gia hạn nợ, khách hàng lập Giấy đề nghị gia hạn nợ (mẫu số 09A/TD hoặc 09B/TD) theo quy định của NHCSXH gửi NHCSXH nơi cho vay.

17.3. Chuyển nợ quá hạn

- Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà khách hàng vay vốn chưa trả được nợ, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho gia hạn nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

- Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa trả được, không được NHCSXH nơi cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì NHCSXH nơi cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi Thông báo cho khách hàng vay vốn mẫu số 14/GQVL áp dụng đối với phương thức cho vay trực tiếp tại NHCSXH nơi cho vay, mẫu số 14/TD áp dụng cho vay trực tiếp cho người lao động có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội đồng thời phối hợp với các cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để tìm biện pháp tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

- Thông báo chuyển nợ quá hạn được lưu tại bộ phận kế toán.

18. Xử lý các vi phạm

NHCSXH căn cứ vào kết quả kiểm tra mức độ vi phạm ghi trong Biên bản kiểm tra theo mẫu số 06/GQVL, mẫu số 06/TD, mẫu số 06A/TD để quyết định xử lý như sau:

18.1. Tạm dừng cho vay: khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

18.2. Chấm dứt cho vay

- Khách hàng vay vốn vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho khách hàng vay vốn về việc chấm dứt cho vay (mẫu số 15/GQVL), NHCSXH nơi cho vay phải thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

- Thông báo của Giám đốc NHCSXH nơi cho vay về việc chấm dứt cho vay do người vay vốn vi phạm được lưu tại bộ phận kế toán.

18.3. Chuyển nợ quá hạn

- Khách hàng vay vốn sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, NHCSXH nơi cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu khách hàng vay vốn thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu khách hàng vay vốn không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, NHCSXH nơi cho vay gửi thông báo cho khách hàng vay vốn (mẫu số 14/GQVL hoặc 14/TD). Thông báo về việc chuyển nợ quá hạn được lưu tại bộ phận kế toán.

18.4. Thu hồi nợ trước hạn

NHCSXH có quyền thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vay vốn hoặc Bên thứ ba là cá nhân (trong trường hợp khoản vay được bảo đảm tài sản của Bên thứ ba) bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.
- Khách hàng vay vốn cung cấp sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng tín dụng hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có), không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các tài liệu/chứng từ chứng minh liên quan đến việc sử dụng vốn vay, không phối hợp với NHCSXH nơi cho vay trong quá trình kiểm tra, giám sát sau cho vay.
- Khách hàng vay vốn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các yêu cầu, chỉ dẫn của Bên cho vay liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp đồng Tín dụng, Hợp đồng bảo đảm (nếu có).
- Khách hàng vay vốn vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước, căn cứ kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc NHCSXH phải thu hồi nợ trước hạn hoặc NHCSXH phải thu hồi nợ trước hạn để bảo đảm thu hồi nợ vay.

18.5. Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và của NHCSXH

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển nợ quá hạn của kỳ hạn nợ cuối cùng hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì NHCSXH nơi cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ cho vay đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

18.6. Khởi kiện trước pháp luật: NHCSXH nơi cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Khách hàng vay vốn vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, đã được NHCSXH nơi cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục.
- Khách hàng vay vốn có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả nợ ngân hàng; khách hàng vay vốn có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận.
- Khách hàng vay vốn có hành vi lừa đảo, gian lận.
- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

19. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy định về quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

20. Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn

Việc hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định của NHCSXH.

21. Tổ chức thực hiện

21.1. Chế độ báo cáo thống kê: việc báo cáo thống kê được thực hiện theo quy định của NHCSXH. Định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu, Hội sở chính NHCSXH (Ban Kế hoạch Nguồn vốn) gửi Cục Việc làm, Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện cho vay theo quy định tại tiết c khoản 7 Điều 35 Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm.

21.2. Khách hàng vay vốn đã nộp hồ sơ vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm trước ngày văn bản này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được phê duyệt cho vay thì thực hiện theo quy định tại văn bản này.

21.3. Trường hợp khách hàng vay vốn đang còn dư nợ mà thuộc đối tượng, đủ điều kiện, có nhu cầu thì tiếp tục được xem xét cho vay với mức cho vay theo quy định tại Khoản 5 và quy định về nghiệp vụ cho vay theo văn bản này.

21.4. NHCSXH các cấp có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến công khai nội dung Nghị định số 338/2025/NĐ-CP; tập huấn nghiệp vụ theo nội dung văn bản này tới cán bộ NHCSXH, cán bộ tổ chức chính trị - xã hội, Tổ trưởng Tổ TK&VV và cán bộ UBND cấp xã. Đồng thời báo cáo UBND và Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp để triển khai thực hiện.

21.5. Đối với nguồn vốn do NHCSXH nhận ủy thác từ các địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, NHCSXH nơi nhận ủy thác căn cứ vào quy định Luật Việc làm số 74/2025/QH15, Nghị định số 338/2025/NĐ-CP, các văn bản, quy định có liên quan của cấp có thẩm quyền và nội dung văn bản này để tham mưu, thỏa thuận với bên ủy thác cho phù hợp.

22. Hiệu lực thi hành

22.1. Văn bản này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2026 và thay thế văn bản số 8055/NHCS-TDSV ngày 30/10/2019 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm, văn bản số 10575/NHCS-TDSV ngày 30/12/2022 của Tổng Giám đốc NHCSXH về sửa đổi, bổ sung văn bản số 8055/NHCS-TDSV. Các văn bản có nội dung trái với nội dung văn bản này đều hết hiệu lực thi hành kể từ ngày văn bản này có hiệu lực.

22.2. Những điểm không hướng dẫn tại văn bản này, NHCSXH thực hiện theo quy định tại Luật Việc làm số 74/2025/QH15, Nghị định số 338/2025/NĐ-CP và các văn bản khác có liên quan.

22.3. Trường hợp sau ngày ban hành văn bản này có sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến việc áp dụng văn bản này trái với quy định của pháp luật thì NHCSXH thực hiện theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Hội sở chính NHCSXH (qua Ban Tín dụng Học sinh sinh viên và Các đối tượng chính sách khác) xem xét, giải quyết./. *th*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Nội vụ
 - Ngân hàng Nhà nước;
 - Bộ Tài chính;
- } (để b/c)
- Tổng LĐLĐVN (để p/hợp);
 - LMHTXVN (để p/hợp);
 - HNMTVN (để p/hợp);
 - Hội LHPN, HCCB, HND, ĐTN (để p/hợp);
 - Các thành viên HĐQT NHCSXH;
 - Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
 - Trường BDD HĐQT NHCSXH cấp tỉnh;
 - TGD, TBKS NHCSXH;
 - Các PTGD, KTT;
 - Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
 - Sở Giao dịch, Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
 - Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, TP;
 - Website NHCSXH;
 - Lưu: VT, TDSV.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Vương Văn Minh



PHỤ LỤC DANH SÁCH CÁC MẪU BIỂU

(Kèm theo Văn bản số 1055/HD-NHCS ngày 30/12/2025 của Tổng Giám đốc NHCSXH
Xã Hội
Phương án tiếp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm)

STT	Tên mẫu biểu	Nội dung mẫu biểu
1	01/GQVL	Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (người lao động)
2	02/GQVL	Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm (cơ sở SXKD)
3	03/GQVL	Phiếu tiếp nhận hồ sơ vay vốn
4	04a/GQVL	Thông báo kết quả phê duyệt cho vay
5	04b/GQVL	Thông báo từ chối cho vay
6	05/GQVL	Báp cáo thẩm định (cơ sở SXKD)
7	06/GQVL	Biên bản kiểm tra (cơ sở SXKD)
8	07a/GQVL	Hợp đồng tín dụng (cơ sở SXKD)
9	07b/GQVL	Hợp đồng tín dụng (người lao động)
10	08/GQVL	Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ (cơ sở SXKD)
11	09/GQVL	Danh sách người lao động tại cơ sở SXKD
12	10/GQVL	Giấy đề nghị giải ngân (cơ sở SXKD)
13	14/GQVL	Thông báo chuyển nợ quá hạn
14	15/GQVL	Thông báo chấm dứt cho vay

Thy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ, MỞ RỘNG VIỆC LÀM
(Đối với người lao động)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội

Họ và tên khách hàng vay vốn:

Ngày sinh: .../.../.... Dân tộc: Giới tính:

Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước số:

Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp: Có thời hạn đến:.....

Nơi ở hiện tại (thường trú/tạm trú⁽¹⁾):.....

Điện thoại:

Thuộc đối tượng khác (nếu có) ⁽²⁾:

Thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có):

- ☐ 1. Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo.
- ☐ 2. Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- ☐ 3. Người khuyết tật.
- ☐ 4. Người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng.
- ☐ 5. Người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng.
- ☐ 6. Khác (nếu có)

Thông tin, giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên, gồm⁽³⁾:

.....
.....
.....
.....

Tôi có nhu cầu vay vốn để thực hiện phương án:

.....
Nơi thực hiện phương án:
.....

Tổng số người lao động được tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm⁽⁴⁾:
..... người, trong đó:

* Tạo việc làm:người;

Duy trì việc làm: người;

Mở rộng việc làm:người;

Là lao động nữ (nếu có):.... người;

* Số lao động là thành viên thuộc hộ gia đình:người

Số lao động không thuộc hộ gia đình (nếu có):người

Vốn thực hiện phương án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

- Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: đồng

(Bằng chữ:)

với mục đích sử dụng vốn vay cụ thể như sau:

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN (đồng)

Hiệu quả kinh tế của phương án:

- Tổng thu nhập của phương án:.....

- Tổng chi phí:.....

- Chênh lệch thu nhập và chi phí của phương án:.....

Thời hạn xin vay: tháng

Kỳ hạn trả gốc: Kỳ hạn trả lãi:

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

(Ký và ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Số tiền cho vay:đồng (Bằng chữ:.....)
2. Lãi suất:%/năm. Lãi suất nợ quá hạn:%/năm.
3. Thời hạn cho vay: tháng; Kỳ hạn trả nợ:tháng/lần.
4. Số tiền trả nợ: đồng/lần. Số tiền trả nợ kỳ cuốiđồng.
Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày...../...../.....
5. Lãi tiền vay được trả định kỳ hàng tháng, vào ngày

Ngày.....tháng.....năm.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
KH Nghiệp vụ Tín dụng/
Tổ trưởng Tổ KH-NV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Trường hợp đề nghị vay vốn tại nơi thường trú thì ghi thông tin nơi thường trú; trường hợp đề nghị vay vốn tại nơi tạm trú thì ghi thông tin nơi tạm trú.

(2) Thuộc đối tượng khác theo quy định của cấp có thẩm quyền được vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm:

- Người cao tuổi theo văn bản hướng dẫn số 591/NHCS-TDSV ngày 12/8/2019;

- Người lao động trong gia đình người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí theo văn bản hướng dẫn số 6216/NHCS-TDSV ngày 09/7/2021;

- Người có đất thu hồi theo văn bản hướng dẫn số 4545/HD-NHCS ngày 01/8/2024;

- Các đối tượng khác theo văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

(3) Thông tin, giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên dành cho đối tượng ưu tiên, cụ thể:

- **Đối với người lao động là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo:** Giấy tờ chứng minh về dân tộc và Giấy chứng nhận hộ gia đình nghèo theo quy định.

- **Đối với người lao động là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo đang sinh sống tại địa bàn có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn (người có nơi ở hiện tại thuộc thôn, xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc các địa bàn khác theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền):** Giấy tờ chứng minh về nơi ở hiện tại và Giấy chứng nhận hộ gia đình nghèo theo quy định.

- **Đối với người lao động là Người khuyết tật, đề nghị kê khai:** Giấy xác nhận khuyết tật số do Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khu cấp ngày

- **Đối với Người lao động trong hộ gia đình đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, đề nghị kê khai:**

+ Họ và tên Người khuyết tật/người khuyết tật đặc biệt nặng:.....

+ Giấy xác nhận khuyết tật sốdo Ủy ban nhân dân xã/ phường/đặc khu cấp ngày

+ Hoặc Quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng sốcấp ngày.....

- **Đối với Người lao động nhận nuôi dưỡng, chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, đề nghị kê khai:**

+ Họ và tên Người khuyết tật/Người khuyết tật đặc biệt nặng:.....

+ Giấy xác nhận khuyết tật số do Ủy ban nhân dân xã/phường/đặc khucấp ngày

+ Quyết định hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng số:.....cấp ngày.....

+ Hoặc Quyết định nhận chăm sóc, nuôi dưỡng số:.....cấp ngày.....

(4) Người lao động là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, có khả năng lao động và có nhu cầu làm việc.

- Tạo việc làm là tạo việc làm cho người thất nghiệp;

- Duy trì việc làm là duy trì việc làm hiện có của người lao động;

- Mở rộng việc làm là việc thu hút thêm lao động hoặc tạo thêm việc làm khác cho người lao động.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY
HỖ TRỢ TẠO VIỆC LÀM, DUY TRÌ, MỞ RỘNG VIỆC LÀM

(Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh)

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại: Fax:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã/Tổ hợp tác/hộ kinh doanh số:Cơ quan cấp:.....

Đăng ký lần đầu ngàytháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:.....ngày.....tháng.....năm.....

Mã số thuế:

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền:

Chức vụ:

Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước số:

Ngày cấp: Nơi cấp: Có thời hạn đến

Nơi cư trú:.....

Văn bản về việc ủy quyền (nếu có):

6. Giấy phép kinh doanh có điều kiện/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh (nếu có):..... thời hạn còn hiệu lực

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng

II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

Năm:

- Tổng doanh thu: đồng
- Tổng chi phí: đồng
- Thuế: đồng
- Lợi nhuận: đồng

Năm:

- Tổng doanh thu: đồng
- Tổng chi phí: đồng
- Thuế: đồng
- Lợi nhuận: đồng

III. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

1. Tên Phương án:

Nơi thực hiện phương án:.....

2. Nội dung phương án sử dụng vốn vay

a) Hiện trạng

- Văn phòng/chi nhánh/cửa hàng kinh doanh (địa chỉ, diện tích):

.....

- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, tình trạng hoạt động, địa chỉ):.

.....

- Trang thiết bị, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):

.....

b) Phương án phát triển sản xuất, kinh doanh

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị):

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

- Thời gian thực hiện: từ thángnăm....đến thángnăm.....

c) Phương án sử dụng lao động

- Tổng số lao động:người, trong đó:
- + Số người lao động được tạo việc làm (nếu có): người,
- + Số người lao động được duy trì việc làm (nếu có).....người
- + Số người lao động được mở rộng việc làm (nếu có).....người
- Số lao động ký hợp đồng có thời hạn:.....người
- Số lao động ký hợp đồng không có thời hạn:.....người
- Số lao động nữ (nếu có):..người
- Số lao động là người khuyết tật (nếu có): người
- Số lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.
- Số lao động là người đã chấp hành xong án phạt tù (nếu có):.....người.
- Số lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (nếu có): người
- Số lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (nếu có): người
- Số lao động thuộc ít nhất 2 trong số các trường hợp là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (nếu có):người
- Tỷ lệ phần trăm tổng số lao động thuộc ít nhất một trong các đối tượng: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:% trên tổng số lao động.

d) Hiệu quả kinh tế của phương án sử dụng vốn vay

Tổng thu nhập của phương án:.....

Tổng chi phí:.....

Chênh lệch thu nhập và chi phí của phương án:.....

đ) Thời điểm bắt đầu thực hiện phương án: tháng..... năm.....

3. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án: đồng, trong đó:

- Vốn tự có: đồng

- Vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội:đồng

IV. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

1. Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay vốn:

Số tiền:đồng.

(Bằng chữ:.....).

2. Mục đích sử dụng vốn vay như sau:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1			
2			
3			
...			

3. Thời hạn vay vốn:.....tháng

4. Kỳ hạn trả gốc: Kỳ hạn trả lãi:

5. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng

- Từ khấu hao:.....đồng;

- Lợi nhuận từ phương án và các nguồn khác:.....đồng;

6. Tài sản bảo đảm tiền vay (nếu có)

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN
1				
2				
3				
...				

V. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

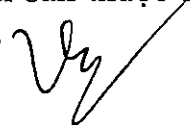
1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực của các thông tin kê khai và các giấy tờ, hồ sơ lập và cung cấp.

2. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội đầy đủ, đúng hạn.

3. Tuân thủ các quy định về vay vốn, chịu sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

4. Cam kết lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay theo tiến độ thực hiện phương án, cung cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay và cơ quan chức năng khi được yêu cầu.

5. Dùng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội./.



..., ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

NHCSXH TỈNH/TP.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PGD

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ VAY VỐN

Vào hồigiờ.....phút, ngày tháng năm, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội đã tiếp nhận hồ sơ vay vốn của khách hàng:

Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ:

Số điện thoại:.....Email:.....

Tên người đại diện (nếu có):.....

Số điện thoại:.....Email:.....

Hồ sơ vay vốn gồm có:

STT	Tên giấy tờ	Bản gốc/bản chính	Bản sao từ sổ gốc	Bản sao có chứng thực	Bản sao đã đối chiếu bản chính ¹
1	Phương án sử dụng vốn vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm				
2	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh				
3	Giấy phép kinh doanh có điều kiện hoặc Giấy CN đủ điều kiện kinh doanh đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện				
4	Văn bản cử người đại diện theo ủy				

¹ Cán bộ tiếp nhận ký, ghi rõ họ tên lên bản sao và ghi “Đã đối chiếu với bản chính”.

	quyền/văn bản ủy quyền (nếu có)				
5	Thẻ Căn cước công dân/Thẻ Căn cước (còn hiệu lực)				
6	Điều lệ/Quy chế tổ chức hoạt động của khách hàng vay vốn (nếu có).				
7	Báo cáo tài chính (nếu có, số lượng)				
8	Danh sách người lao động				
9	Giấy tờ chứng minh đối tượng ưu tiên (nếu có, số lượng)				
10	Giấy tờ khác (nếu có)				

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
sẽ gửi Thông báo kết quả phê duyệt cho vay/Thông báo từ chối cho vay trực tiếp
đến Quý khách hàng chậm nhất ngày/...../.....về địa chỉ của khách hàng.

NGƯỜI NỘP HỒ SƠ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CÁN BỘ TIẾP NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ PHÊ DUYỆT CHO VAY

Kính gửi:.....¹

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
thông báo phê duyệt cho vay đối với Quý khách hàng doanh như sau:

1. Tổng số tiền cho vay

Bằng số đồng.

(Bằng chữ.....).

3. Mục đích sử dụng vốn vay.....

4. Lãi suất:

- Lãi suất cho vay:%/năm

- Lãi suất nợ quá hạn:%/năm

5. Thời hạn cho vay: tháng.

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
..... trân trọng thông báo để Quý khách hàng
đến địa chỉ vào
lúc giờ.....phút, ngày tháng năm..... để ký Hợp đồng tín
dụng và làm các thủ tục liên quan theo quy định.

Để biết thêm thông tin chi tiết, Quý khách hàng liên hệ số điện
thoại:.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



¹ Mẫu được soạn thảo sau khi được phê duyệt cho vay, phần kính gửi ghi rõ tên cơ sở sản xuất, kinh doanh.

NHCSXH TỈNH/TP.....
PGD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20....

THÔNG BÁO TỪ CHỐI CHO VAY

Kính gửi:¹

Vào hồigiờ.....phút, ngày tháng năm 20.....,

Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội
nhận được hồ sơ vay vốn của Quý khách hàng gửi đến.

Sau khi kiểm tra, đối chiếu, Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội.....thông báo từ chối cho vay đối với Quý khách hàng vì những lý do như sau:

1.
2.
3.

Trường hợp Quý khách hàng có nhu cầu nhận lại hồ sơ đã nộp vào Ngân hàng, trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội ký thông báo này, đề nghị Quý khách hàng đến Chi nhánh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội để nhận lại hồ sơ. Nếu quá 05 ngày làm việc Quý khách hàng không đến nhận lại hồ sơ, Ngân hàng Chính sách xã hội sẽ thực hiện hủy hồ sơ vay vốn theo quy định./.

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



¹ Mẫu được soạn thảo trong trường hợp khách hàng không đủ điều kiện vay vốn, phần kính gửi ghi rõ tên cơ sở sản xuất, kinh doanh.

NHCSXH (tỉnh, TP).....
PGD

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
(Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh)

1. Tên phương án:.....
2. Nơi thực hiện phương án:.....
3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng được ưu tiên lãi suất¹:.....

A. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Tên doanh nghiệp²/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại: Fax:

4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh số:.....Cơ quan cấp:.....

Đăng ký lần đầu ngàytháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:ngày.....tháng.....năm.....

Mã số thuế:

5. Họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền:

- Chức vụ:

- Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước số:.....

Ngày cấp:.....nơi cấp:.....Có thời hạn đến.....

Nơi cư trú:.....

Văn bản về việc ủy quyền (nếu có):

6. Giấy phép kinh doanh có điều kiện/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh³:.....thời hạn còn hiệu lực

¹ Nếu thuộc đối tượng được ưu tiên lãi suất thì điền một trong các nội dung: cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên thuộc ít nhất một trong các đối tượng sau: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

² Doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định theo tiêu chí quy định tại Điều 4 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và được hướng dẫn cụ thể tại Điều 5 Chương II Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

³ Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc theo pháp luật quy định

7. Vốn điều lệ/Vốn góp/Vốn tự có: đồng.

II. PHÂN TÍCH ĐỊNH TÍNH

1. Lịch sử phát triển (ngày thành lập, thời gian hoạt động tại địa phương hiện tại, lý do khởi nghiệp kinh doanh, quá trình thay đổi ngành nghề hoặc ngừng hoạt động kinh doanh...):

.....

.....

.....

2. Năng lực của người điều hành (tính chân thật, độ tin cậy, tình trạng sức khỏe, sự ủng hộ của gia đình, trình độ...)

.....

.....

.....

3. Mặt hàng và dịch vụ kinh doanh (chi tiết về sản phẩm, dịch vụ, điểm khác biệt so với các cơ sở sản xuất, kinh doanh khác, sức cạnh tranh, nhu cầu của thị trường, hướng tới tầng lớp, đối tác giao dịch nào...)

.....

.....

.....

4. Đối tác giao dịch chủ yếu

a) Đối tác mua hàng (nhà cung ứng) chủ yếu

Đối tác mua hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

b) Đối tác bán hàng (người tiêu thụ) chủ yếu

Đối tác bán hàng	Số năm giao dịch	Tỷ trọng giao dịch

5. Điều tra thực địa (biển tên và biển hiệu; địa chỉ và tình trạng văn phòng, cửa hàng, nhà máy, tình trạng máy móc thiết bị, hàng tồn kho...)

III. PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG

1. Bảng tính toán lỗ, lãi

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm	Giá trị trên tài liệu xác nhận	Năm	Giá trị trên tài liệu xác nhận
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

Nhận xét, đánh giá:

2. Bảng đối chiếu tài sản có và tài sản nợ (nếu có)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Năm	Giá trị trên tài liệu xác nhận	Năm	Giá trị trên tài liệu xác nhận
1	Tiền mặt - tiền gửi				
2	Tiền bán chịu				
3	Tồn kho (vật tư, thành phẩm, sản phẩm dở dang)				
4	Tài sản cố định				
5	Các tài sản khác				
6	Tổng tài sản có (1+2+3+4+5)				
7	Tiền mua chịu				
8	Tiền vay				
9	Các nợ khác				
10	Tổng công nợ (7+8+9)				
11	Nguồn vốn chủ sở hữu (6-10)				
12	Tổng tài sản Nợ (10+11)				

Nhận xét, đánh giá :

.....

.....

IV. ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ NHU CẦU VAY VỐN

- Tên phương án vay vốn:.....

- Nơi thực hiện phương án:.....

1. Nội dung phương án vay vốn

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo:.....

+ Chi phí mở rộng, cải tạo:.....

- Đầu tư trang thiết bị, máy móc:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị).....

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị).....

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị):

2. Phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động:người, trong đó:

+ Số người lao động được tạo việc làm (nếu có): người,

+ Số người lao động được duy trì việc làm (nếu có).....người

+ Số người lao động được mở rộng việc làm (nếu có).....người

- Số lao động ký hợp đồng có thời hạn:.....người

- Số lao động ký hợp đồng không có thời hạn:.....người

- Số lao động nữ (nếu có):..người

- Số lao động là người khuyết tật (nếu có): người

- Số lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.

- Số lao động là người đã chấp hành xong án phạt tù (nếu có):.....người.

- Số lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (nếu có): người

- Số lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (nếu có): người

- Số lao động thuộc ít nhất 2 trong số các trường hợp là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (nếu có):người

- Tỷ lệ phần trăm tổng số lao động thuộc ít nhất một trong các đối tượng: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:% trên tổng số lao động.

3. Phân tích hiệu quả phương án và dự báo thu - chi tiền mặt sau khi vay vốn

Đơn vị: triệu đồng

STT	Hạng mục	Cán bộ thẩm định tính toán		Theo phương án vay vốn của khách hàng	Chênh lệch
		Cách tính	Giá trị		
1	Tổng doanh thu				
2	Tổng chi phí				
3	Thuế TNDN				
4	Lợi nhuận				

* Các mục trên đều là số ước tính số thực thu, thực chi trong 1 năm phương án

Nhận xét, đánh giá:

.....

4. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án:.....đồng, trong đó:

- Vốn tự có:..... đồng

- Vốn đề nghị vay Ngân hàng:đồng

Sử dụng vào các việc:

.....

5. Thời điểm bắt đầu thực hiện phương án: Tháng.....năm.....

6. Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

- Từ khấu hao:.....đồng.

- Từ lợi nhuận từ phương án và các nguồn khác:.....đồng.

- Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm là:.....đồng, trong đó:

+ Trả nợ gốc: đồng.

+ Trả lãi:.....đồng.

Nhận xét, đánh giá:.....

.....

7. Tài sản bảo đảm tiền vay⁴

⁴ Căn cứ kết quả tại Biên bản xác định giá trị TSBĐ để thực hiện kê khai nội dung này

STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN	GIÁ TRỊ (ước tính)

Nhận xét, đánh giá (tính pháp lý, giá trị TSBĐ, khả năng chuyển nhượng, khả năng quản lý tài sản).....

V. **KẾT LUẬN:** (đánh giá chung về tình hình doanh nghiệp, tình hình tài chính của cơ sở sản xuất, kinh doanh, tính khả thi của phương án, tiềm năng sản xuất, hiệu quả kinh tế, khả năng hoàn trả nợ, số lao động được tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm, mục đích vay vốn, điều kiện về hồ sơ pháp lý đảm bảo tiền vay):

B. NỘI DUNG PHÊ DUYỆT CHO VAY

Căn cứ phương án xin vay và kết quả kiểm tra, thẩm định:

☐ Không phê duyệt cho vay. Lý do:.....

☐ Phê duyệt cho vay với nội dung cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền cho vay: đồng

Bằng chữ:

2. Thời hạn cho vay tháng.

3. Lãi suất cho vay:..... %/năm.

4. Lãi suất quá hạn:..... %/năm.

5. Trả gốc:.....tháng/lần;

Trả lãi theo:.....

6. Tiền vay sử dụng vào các việc:

Ngày.....tháng....năm

CÁN BỘ TÍN DỤNG

(Ký, ghi rõ họ và tên)

TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG TỔ KH-NV)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BIÊN BẢN KIỂM TRA
(Áp dụng cho vay đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh)

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số

Căn cứ Hợp đồng bảo đảm tiền vay số (nếu có):

Hôm nay, ngày...../...../....., tại chúng tôi gồm:

I. Bên vay vốn:

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

- Địa chỉ trụ sở chính:.....

- Điện thoại liên hệ:.....

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật hoặc được ủy quyền vay vốn là

Ông (bà).....Chức vụ.....

- Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước số:.....

Ngày cấp:Nơi cấp:Có thời hạn đến

II. Đại diện chi nhánh NHCSXH/PGD NHCSXH.....

- Ông (bà).....Chức vụ:.....

- Ông (bà).....Chức vụ:.....

-

Nội dung kiểm tra:

1. Về tình hình thực hiện Hợp đồng tín dụng tính đến ngày kiểm tra

- Tổng số tiền phê duyệt cho vay theo Hợp đồng tín dụng: đồng.

- Tổng số tiền đã giải ngân: đồng.

- Lũy kế số nợ gốc đã trả: đồng.

- Dư nợ vay: đồng.

2. Về mục đích sử dụng tiền vay¹

.....

.....

3. Đánh giá về phương án sử dụng lao động

- Tổng số lao động:người, trong đó:

+ Số người lao động được tạo việc làm (nếu có): người,

¹ Ghi nhận chi tiết, đầy đủ mục đích sử dụng vốn vay theo thực tế so với mục đích vay vốn ghi trong phương án và địa bàn thực hiện phương án vay vốn.

- + Số người lao động được duy trì việc làm (nếu có).....người
- + Số người lao động được mở rộng việc làm (nếu có).....người
- Số lao động ký hợp đồng có thời hạn:.....người
- Số lao động ký hợp đồng không có thời hạn:.....người
- Số lao động nữ (nếu có):... ..người
- Số lao động là người khuyết tật (nếu có): người
- Số lao động là người dân tộc thiểu số (nếu có): người.
- Số lao động là người đã chấp hành xong án phạt tù (nếu có):.....người.
- Số lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (nếu có): người
- Số lao động là người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (nếu có): người
- Số lao động thuộc ít nhất 2 trong số các trường hợp là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (nếu có):người
- Tỷ lệ phần trăm tổng số lao động thuộc ít nhất một trong các đối tượng: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc:% trên tổng số lao động.

4. Về tình hình thực hiện phương án vay vốn và khả năng trả nợ

a) Tình hình thực hiện phương án vay vốn²

.....

.....

b) Khả năng trả nợ

.....

.....

5. Về tài sản bảo đảm (nếu có).....

STT	Tên tài sản bảo đảm	Số lượng (nếu có)	Hiện trạng tài sản bảo đảm	Ghi chú

² Cán bộ kiểm tra cần chủ động thu thập hồ sơ, chứng từ, báo cáo tài chính đến thời điểm gần nhất để đánh giá hiệu quả của phương án vay vốn. Ghi nhận các thông tin về tài liệu, hóa đơn, chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay đối với trường hợp vay vốn để mua máy móc, thiết bị và các trường hợp khác nếu có (sổ hóa đơn, ngày tháng lập, đơn vị cung cấp, tên hàng hóa, số tiền,...).

--	--	--	--	--

Đánh giá việc tuân thủ các quy định trong việc bảo quản, sử dụng tài sản bảo đảm (nếu có)³.....

6. Ý kiến của cán bộ kiểm tra⁴

.....

.....

7. Ý kiến của cơ sở sản xuất, kinh doanh

.....

KHÁCH HÀNG VAY VỐN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

CÁN BỘ KIỂM TRA
(Ký, ghi rõ họ tên)



³ Đánh giá tình trạng TSBĐ còn nguyên hay đã thay đổi; chất lượng TSBĐ sử dụng bình thường hay đã xuống cấp; giá trị hiện tại của TSBĐ (theo giá thị trường, khung giá của cấp có thẩm quyền); những rủi ro bất lợi phát sinh ảnh hưởng đến việc xử lý TSBĐ (tài sản có đang tranh chấp, thuộc diện quy hoạch, bên thế chấp bỏ trốn, mất tích,...); các nội dung khác nếu có.

⁴ Nhận xét, đánh giá chung về kết quả kiểm tra; đề xuất tiếp tục giải ngân hay không giải ngân (đối với kiểm tra sau khi khách hàng đề nghị giải ngân từ lần thứ hai trở đi); thời gian khắc phục khó khăn, chuyển nợ quá hạn; thay đổi hay không thay đổi biện pháp quản lý tài sản thế chấp; đề xuất bổ sung tài sản thế chấp hay không; đề xuất định giá lại đối với trường hợp phát hiện giá trị tài sản thế chấp bị giảm mà không đáp ứng được nghĩa vụ bảo đảm (nếu có) và các ý kiến khác.

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG¹

Số:/20.../HD-TD

(Áp dụng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh)

Căn cứ bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16/06/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Căn cứ văn bản số 11055/HD-NHCS ngày 30/12/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và các văn bản hướng dẫn có liên quan của Tổng Giám đốc NHCSXH;

Hôm nay, ngày tháng năm tại
chúng tôi gồm:

Bên cho vay

- Tên Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Người đại diện: Chức vụ:
- Giấy uỷ quyền (nếu có):

Bên vay

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ hợp tác/hộ kinh doanh số²: do cấp ngày
- Mã số thuế:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Giấy phép kinh doanh có điều kiện/Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh số³: có hiệu lực đến (tháng, năm)

¹ Hợp đồng tín dụng được đánh máy và đóng dấu giáp lai, Bên cho vay (Trường phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ) và Bên vay cùng ký nháy vào từng trang.

² Sử dụng giấy tờ phù hợp với từng loại hình hoạt động của Bên vay.

³ Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

- Họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền:

- Chức vụ:

- Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....có thời hạn đến

- Văn bản về việc ủy quyền (nếu có):.....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng

(Bằng chữ:)

2. Mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm cho:.....người.

3. Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày/...../.....

4. Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: %/ năm.

- Lãi suất quá hạn: %/ năm.

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế;

Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

5. Kỳ hạn trả nợ gốc

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

.....

6. Thu nợ gốc, lãi

- Bên vay chủ động chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán đã mở tại Bên cho vay. Bên cho vay thực hiện trích từ tài khoản thanh toán của Bên vay để thu nợ gốc và lãi.

- Bên vay có thể trả nợ gốc trước hạn. Trường hợp Bên vay trả nợ gốc trước hạn:

+ Bên vay nộp tiền vào tài khoản thanh toán, nội dung nộp tiền ghi rõ: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” trên Giấy nộp tiền và thông tin cho Bên cho vay để làm cơ sở thực hiện thu nợ.

- Bên vay chuyển khoản vào tài khoản thanh toán, nội dung chuyển khoản ghi rõ: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” và thông tin cho Bên cho vay để làm cơ sở thực hiện thu nợ.

- Thứ tự thu nợ gốc, lãi của khoản vay thực hiện theo quy định của Bên cho vay.

Điều 2. Giải ngân vay

1. Hình thức giải ngân:

Giải ngân một lần ☐ Giải ngân nhiều lần ☐

Chuyển khoản: ☐ Tên người thụ hưởng.....

Số tài khoản:.....tại.....

2. Mỗi lần giải ngân, Bên vay viết Giấy đề nghị giải ngân (Mẫu số 10/GQVL) gửi Bên cho vay, từ lần giải ngân thứ hai trở đi Bên cho vay thực hiện kiểm tra (Mẫu số 06/GQVL) để làm căn cứ phê duyệt giải ngân. Khi nhận tiền vay, Bên vay và Bên cho vay phải ký xác nhận vào phụ lục hợp đồng tín dụng, phân theo dõi cho vay.

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

.....
.....
Nơi thực hiện phương án:
.....
.....

Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Nếu Bên vay chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, thì trước ít nhất 05 ngày đến hạn trả nợ, bên vay phải có Giấy đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gửi Bên cho vay để Bên cho vay xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Thời hạn điều chỉnh cho 01 kỳ hạn trả nợ có thể một hoặc nhiều lần, nhưng tối đa không quá thời hạn của 01 kỳ hạn trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

2. Gia hạn nợ

Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, Bên vay không có khả năng trả được nợ và có nhu cầu gia hạn nợ, Bên vay phải lập Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay để xem xét cho gia hạn nợ theo quy định của Bên cho vay.

3. Chuyển nợ quá hạn

- Đến kỳ hạn trả nợ kể cả nợ của kỳ hạn trước đó đã được điều chỉnh mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho điều chỉnh kỳ hạn trả nợ thì Bên cho vay chuyển số dư nợ đó sang quá hạn.

- Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng mà Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

- Khi chuyển nợ quá hạn, Bên cho vay gửi thông báo cho Bên vay, đồng thời phối hợp với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương tìm biện pháp

tích cực thu hồi nợ hoặc chuyển hồ sơ sang cơ quan pháp luật để xử lý thu hồi theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Xử lý các vi phạm

1. Tạm dừng cho vay: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

2. Chấm dứt cho vay: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, Bên cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu Bên vay không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

3. Chuyển nợ quá hạn

Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, Bên cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu Bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu Bên vay không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn;

4. Thu hồi nợ trước hạn

Bên cho vay có quyền thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp sau:

- Bên vay hoặc Bên thứ ba là cá nhân (trong trường hợp khoản vay được bảo đảm tài sản của Bên thứ ba) bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

- Bên vay cung cấp sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng này hoặc Hợp đồng bảo đảm tiền vay (nếu có), không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các tài liệu/chứng từ chứng minh liên quan đến việc sử dụng vốn vay, không phối hợp với Bên cho vay trong quá trình kiểm tra, giám sát sau cho vay.

- Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các yêu cầu, chỉ dẫn của Bên cho vay liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm (nếu có).

- Bên vay vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước, căn cứ kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc Bên cho vay phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc Bên cho vay phải thu hồi nợ trước hạn để bảo đảm thu hồi nợ vay.

5. Xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật và Bên cho vay

Sau 06 tháng kể từ ngày chuyển nợ quá hạn của kỳ hạn nợ cuối cùng hoặc có số nợ quá hạn chiếm từ 50% trở lên trên tổng số tiền đã vay thì Bên cho vay xem xét xử lý tài sản bảo đảm hoặc chuyển hồ sơ cho vay đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Khởi kiện trước pháp luật: Bên cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

- Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả Bên cho vay; Bên vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận;

- Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận;

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Bảo đảm tiền vay⁴

1. Tài sản bảo đảm làdo.....cấp.

Địa chỉ.....

Giấy tờ pháp lý về tài sản:.....

2. Tổng giá trị tài sản bảo đảm là.....đồng để bảo đảm cho nghĩa vụ của món vay được quy định tại Hợp đồng tín dụng này.

3. Chi tiết về tài sản bảo đảm tiền vay được quy định chi tiết tại Hợp đồng bảo đảm tiền vay được giao kết giữa Bên cho vay và Bên bảo đảm.

4. Bên vay được quyền rút toàn bộ giấy tờ về tài sản bảo đảm sau khi đã trả hết nợ gốc và lãi.

5. Bên cho vay được quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định hiện hành để thu hồi vốn trong trường hợp Bên vay vi phạm các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và không thể khắc phục được.

6. Bên cho vay thực hiện kiểm tra tài sản bảo đảm đột xuất hoặc định kỳ.

7. Bên vay không dùng tài sản nêu tại Khoản a Điều này để đảm bảo cho các nghĩa vụ của mình tại tổ chức tín dụng khác; không được chuyển nhượng tài sản này khi chưa được sự đồng ý của Bên cho vay hoặc chưa trả hết nợ gốc và lãi cho Bên cho vay.

Điều 7. Quyền và Nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoán thuận;

2. Yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

3. Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến món vay;

4. Kiểm tra, giám sát sử dụng vốn vay, tình hình hoạt động kinh doanh, tài sản bảo đảm, khả năng trả nợ của Bên vay;

5. Thu giữ tài sản bảo đảm và xử lý tài sản theo hợp đồng bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ và/hoặc khởi kiện theo quy định của pháp luật;

⁴ Áp dụng đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vay vốn từ 200 triệu đồng trở lên.

6. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 8. Quyền và Nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thỏa thuận;
2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;
3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;
4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích; báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay theo Hợp đồng này;
5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay về sử dụng vốn vay và trả nợ, tài sản bảo đảm tiền vay, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh;
6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về trụ sở làm việc, người đại diện vay vốn, số điện thoại liên lạc và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay;
7. Bàn giao tài sản và phối hợp với Bên cho vay để xử lý tài sản bảo đảm khi có căn cứ xử lý theo Hợp đồng này, hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật;

Điều 9. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.
2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.
3. Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các văn bản bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.
4. Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Điều 10. Một số thỏa thuận khác

.....
.....

Điều 11. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../HD-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Số tiền giải ngân	Lãi suất %/năm	Hạn trả nợ cuối cùng	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
					Bên vay	Kế toán
1	2	4	5	6	7	8

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký	
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	

3. Phần theo dõi nợ quá hạn, nợ bị rủi ro

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn/khoanh nợ/xoá nợ	Dư nợ quá hạn/khoanh nợ/xoá nợ	Chữ ký	
				Bên vay	Kế toán
1	2	3	5	6	7

HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG¹

Số:/20../HĐ-TD

(Áp dụng cho vay đối với người lao động)

Căn cứ bộ Luật dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ Luật Việc làm số 74/2025/QH15 ngày 16/06/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 338/2025/NĐ-CP ngày 25/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về chính sách hỗ trợ tạo việc làm;

Căn cứ văn bản số 11055/HD-NHCS ngày 30/12/2025 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội hướng dẫn nghiệp vụ cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm và các văn bản hướng dẫn có liên quan của Tổng Giám đốc NHCSXH;

Hôm nay, ngày tháng năm tại
chúng tôi gồm:

Bên cho vay

- Tên Ngân hàng Chính sách xã hội:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Họ và tên người đại diện:.....Chức vụ:
- Giấy uỷ quyền (nếu có):

Bên vay

- Họ và tên người vay:
- Ngày, tháng, năm sinh:
- Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước số:.....
Ngày cấp.....nơi cấp.....
Có thời hạn đến
- Nơi ở hiện tại (thường trú/tạm trú):.....
- Điện thoại liên hệ:.....

Hai Bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng này theo các nội dung thỏa thuận sau đây:

Điều 1. Nội dung cho vay

1. Tổng số tiền cho vay (bằng số): đồng.

¹ Hợp đồng tín dụng được đánh máy và đóng dấu giáp lai, Bên cho vay (Trưởng phòng Kế hoạch - Nghiệp vụ tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch - Nghiệp vụ) và Bên vay cùng ký nháy vào từng trang.

Bằng chữ:

2. Mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm, duy trì, mở rộng việc làm cho:.....người.

3. Thời hạn cho vay: tháng; hạn trả nợ cuối cùng ngày/....../.....

4. Lãi suất tiền vay:

- Lãi suất cho vay: %/ năm.

- Lãi suất quá hạn: %/ năm .

Lãi tiền vay được tính kể từ ngày Bên vay nhận khoản vay đầu tiên đến ngày trả hết nợ gốc. Tiền lãi được Bên cho vay thu hàng tháng kể từ sau tháng nhận khoản vay đầu tiên, tiền lãi được tính trên số dư nợ thực tế;

Tiền lãi tháng nếu chưa thu được thì chuyển sang thu vào tháng kế tiếp sau đó.

5. Kỳ hạn trả nợ gốc

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

- Ngày/...../....., số tiền:..... đồng.

.....

6. Thu nợ gốc, lãi

- Bên cho vay thực hiện thu nợ gốc, lãi theo quy định của Bên cho vay.

- Bên vay có thể trả nợ gốc trước hạn bằng tiền mặt hoặc trả vào tài khoản tổ viên của Bên vay. Trường hợp Bên vay trả vào tài khoản tổ viên:

+ Bên vay nộp tiền vào tài khoản tổ viên, nội dung nộp tiền ghi rõ: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” trên Giấy nộp tiền và thông tin cho Bên cho vay để làm cơ sở thực hiện thu nợ.

+ Bên vay chuyển khoản vào tài khoản tổ viên, nội dung chuyển khoản ghi rõ: “Nộp tiền trả nợ gốc và lãi tiền vay trước hạn cho Hợp đồng tín dụng số ...” và thông tin cho Bên cho vay để làm cơ sở thực hiện thu nợ.

- Thứ tự thu nợ gốc, lãi của khoản vay thực hiện theo quy định của Bên cho vay.

Điều 2. Giải ngân

Hình thức giải ngân: Tiền mặt ☐

Chuyển khoản: ☐

Tên người thụ hưởng:.....

Số tài khoản..... tại.....

Điều 3. Mục đích sử dụng tiền vay

.....

.....

Nơi thực hiện phương án:

.....

.....

Điều 4. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ

Trường hợp Bên vay chưa trả được nợ theo đúng kỳ hạn trả nợ thì được theo dõi vào kỳ hạn trả nợ tiếp theo.

2. Gia hạn nợ

Trước ngày đến hạn trả nợ cuối cùng, tối đa 03 tháng và tối thiểu 05 ngày làm việc, Bên vay không có khả năng trả được nợ và có nhu cầu gia hạn nợ, Bên vay phải lập Giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Bên cho vay để xem xét cho gia hạn nợ theo quy định của Bên cho vay.

3. Chuyển nợ quá hạn

Đến hạn cuối cùng của thời hạn cho vay đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, nếu Bên vay chưa trả được nợ, không được Bên cho vay xem xét cho gia hạn nợ, thì Bên cho vay chuyển toàn bộ số dư nợ còn lại sang quá hạn.

Điều 5. Xử lý các vi phạm

1. Tạm dừng cho vay: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng và đang trong thời gian khắc phục sửa chữa.

2. Chấm dứt cho vay: Bên vay vi phạm các cam kết trong Hợp đồng tín dụng nhưng không khắc phục, sửa chữa. Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ thời điểm thông báo cho Bên vay về việc chấm dứt cho vay, Bên cho vay thực hiện thu hồi nợ trước hạn, nếu Bên vay không trả hết số nợ vi phạm thì chuyển số nợ vi phạm còn lại sang quá hạn.

3. Chuyển nợ quá hạn

- Đối với trường hợp Bên vay sử dụng vốn vay sai mục đích đã ghi trong Hợp đồng tín dụng và được ghi nhận trong Biên bản kiểm tra, sau thời gian tối đa 30 ngày kể từ ngày phát hiện sai phạm được ghi trong Biên bản kiểm tra, Bên cho vay đã phối hợp với các cơ quan liên quan và chính quyền địa phương áp dụng các biện pháp để đôn đốc, yêu cầu Bên vay thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu Bên vay không trả hết số nợ sử dụng sai mục đích thì chuyển số nợ sử dụng sai mục đích còn lại sang quá hạn;

4. Thu hồi nợ trước hạn

Bên cho vay có quyền ra thu hồi nợ trước hạn trong các trường hợp sau:

- Bên vay bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi.

- Bên vay cung cấp sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng này, không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các tài liệu/chứng từ chứng minh liên quan đến việc sử dụng vốn vay, không phối hợp với Bên cho vay trong quá trình kiểm tra, giám sát sau cho vay.

- Bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ các yêu cầu, chỉ dẫn của Bên cho vay liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp đồng này.

- Bên vay vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước, căn cứ kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc Bên cho vay phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc Bên cho vay phải thu hồi nợ trước hạn để bảo đảm thu hồi nợ vay.

5. Khởi kiện trước pháp luật: Bên cho vay có quyền khởi kiện trong các trường hợp sau:

- Bên vay vi phạm Hợp đồng tín dụng đã được Bên cho vay thông báo bằng văn bản nhưng không khắc phục;

- Bên vay có nợ quá hạn do nguyên nhân chủ quan nhưng không có biện pháp khả thi để trả Bên cho vay; Bên vay có năng lực tài chính để trả nợ nhưng cố tình trốn tránh trả nợ theo thỏa thuận;

- Bên vay có hành vi lừa đảo, gian lận;

- Các vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Quyền và Nghĩa vụ của Bên cho vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoán thuận;

2. Yêu cầu Bên vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

3. Yêu cầu Bên vay cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết liên quan đến món vay;

4. Kiểm tra, giám sát tình hình sử dụng vốn vay, khả năng trả nợ của Bên vay;

5. Từ chối các yêu cầu của Bên vay không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận trong Hợp đồng này.

Điều 7. Quyền và Nghĩa vụ của Bên vay

1. Thực hiện đúng những nội dung đã thoán thuận;

2. Được quyền yêu cầu Bên cho vay thực hiện đúng các điều khoản thỏa thuận;

3. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, trung thực các thông tin, tài liệu liên quan đến vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

4. Sử dụng vốn vay đúng mục đích; báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay theo Hợp đồng này;

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bên cho vay trong sử dụng vốn vay và trả nợ;

6. Phải thông báo kịp thời cho Bên cho vay những thay đổi về nơi cư trú, địa chỉ liên lạc, số điện thoại và những thay đổi khác ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên vay.

Điều 8. Cam kết chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản của Hợp đồng tín dụng này. Mọi sửa đổi, bổ sung nội dung của các điều, khoản phải được sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thương lượng được thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện theo pháp luật.

3. Hợp đồng này và các văn bản bổ sung hợp đồng (nếu có) là một bộ phận thống nhất không thể tách rời nhau, các Bên phải có nghĩa vụ chấp hành.

4. Khi Bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có) theo Hợp đồng này, thì Hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

Điều 9. Một số thỏa thuận khác

.....
.....

Điều 10. Hợp đồng tín dụng có hiệu lực kể từ ngày ký cho tới khi Bên vay hoàn thành nghĩa vụ trả nợ bao gồm cả tiền gốc, lãi và các chi phí phát sinh khác (nếu có).

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN CHO VAY
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

(kèm theo Hợp đồng tín dụng số:/20..../HD-TD ngày .../.../.....)

1. Phần theo dõi cho vay

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Số tiền giải ngân	Lãi suất %/năm	Hạn trả nợ cuối cùng	Dư nợ trong hạn	Chữ ký	
					Bên vay	Kế toán
1	2	4	5	6	7	8

2. Phần theo dõi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ

Đơn vị: đồng

Ngày, tháng, năm	Điều chỉnh kỳ hạn trả nợ		Gia hạn nợ		Chữ ký	
	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Số tiền	Đến ngày, tháng, năm	Bên vay	Kế toán
1	2	3	4	5	6	

3. Phần theo dõi nợ quá hạn, nợ bị rủi ro

Đơn vị: đồng

Ngày tháng năm	Diễn giải	Số tiền chuyển nợ quá hạn/khoanh nợ/xoá nợ	Dư nợ quá hạn/khoanh nợ/xoá nợ	Chữ ký	
				Bên vay	Kế toán
1	2	3	5	6	7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 08/GQVL

Khách hàng lập

01 liên gửi NH.

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH KỲ HẠN TRẢ NỢ

(Dành cho cơ sở sản xuất, kinh doanh)

Kính gửi: Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH

Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ trụ sở chính :.....; Điện thoại liên hệ:.....

Họ và tên người đại diện hoặc được ủy quyền vay vốn:.....

Ông (bà).....Chức vụ.....

Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước số:.....

Ngày cấp.....nơi cấp.....còn thời hạn đến.....

Đã vay tại Chi nhánh NHCSXH/Phòng giao dịch NHCSXH.....

Số tiền:

(Bằng chữ:.....)

Theo Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../.....

Số tiền đến hạn trả nợ gốc kể từ ngày/...../..... làđồng.

Số tiền nợ gốc chưa trả được làđồng.

Vì lý do:.....

Đề nghị Chi nhánh NHCSXH/Phòng giao dịch NHCSXH
.....cho phép cơ sở sản xuất, kinh doanh được kéo dài thời
hạn trả khoản nợ gốc trên đến ngày..... thángnăm.....

Chúng tôi xin cam kết trả nợ đúng hạn trên./.

Ngày.....tháng....năm.....

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

- Số tiền được điều chỉnh kỳ hạn là

- Thời gian điều chỉnh đến ngày/...../.....

Ngày.....tháng.....năm.....

**CÁN BỘ
TÍN DỤNG**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**TRƯỞNG PHÒNG KH-NVTD
(TỔ TRƯỞNG KH-NV)**

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

I. THÔNG TIN VỀ CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Tên Doanh nghiệp/Hợp tác xã/Liên hiệp hợp tác xã/Tổ hợp tác/Hộ kinh doanh:

.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Điện thoại: Fax:

4. Họ và tên người đại diện vay vốn:.....Chức vụ:.....

5. Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước:.....

Ngày cấp:.....nơi cấp:.....còn thời hạn đến:.....

6. Nơi thực hiện phương án:.....

7. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng được ưu tiên lãi suất¹

II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ SXKD

STT	Họ và tên người lao động	Số Hợp đồng LĐ	Ngày ký HĐLĐ	Loại HĐLĐ	Đối tượng ưu tiên ²
1					
2					
3					
...					

¹ Nếu thuộc đối tượng được ưu tiên lãi suất thì điền một trong các nội dung: cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên thuộc ít nhất một trong các đối tượng sau: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

² Ghi cụ thể nếu người lao động thuộc một trong các đối tượng sau: người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, người đã chấp hành xong án phạt tù, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin kê khai và các giấy tờ, hồ sơ lập và cung cấp

...., ngày....tháng....năm....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN

Lần:.....

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: ngày thángnăm..... ký giữa Chi nhánh/PGD Ngân hàng Chính sách xã hội..... với.....

Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Địa chỉ:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Chức vụ:.....

Thẻ căn cước công dân/Thẻ căn cước số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....Có thời hạn đến

Văn bản về việc ủy quyền (nếu có):

Điện thoại :

- Mức vay được duyệt:đồng.

(Bằng chữ.....)

- Dư nợ đến trước ngày nhận nợ lần này:

- Đề nghị Chi nhánh/PGD NHCSXHgiải ngân cho tôi

Số tiền: đồng.

(Bằng chữ:.....)

- Mục đích sử dụng vốn vay:

- Hình thức giải ngân: Chuyển khoản ☐

Tên người thụ hưởng.....

Số tài khoản.....tại.....

- Giấy đề nghị giải ngân này là phụ lục không tách rời của Hợp đồng tín dụng số..... ngày...../...../.....

....., ngày.....tháng.....năm

Khách hàng vay vốn

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÊ DUYỆT CỦA NGÂN HÀNG

1. Mức vay được duyệt:.....đồng.
2. Đã giải ngân số tiền.....đồng.
3. Số tiền giải ngân lần này:đồng.
4. Để thanh toán.....theo hình thức: chuyển khoản.
5. Tổng số tiền đã giải ngân sau giải ngân lần này là.....đồng./.

....., ngày.....tháng.....năm

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ
tín dụng/Tổ trưởng Tổ Kế hoạch –
Nghiệp vụ¹
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

¹. Lựa chọn chức vụ phù hợp với NHCSXH nơi cho vay

NHCSXH(tỉnh,TP)...
PGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 14/GQVL
NH lập: 02 liên
- 01 liên gửi KH;
- 01 liên lưu NH.

....., ngàytháng.....năm.....

THÔNG BÁO CHUYỂN NỢ QUÁ HẠN

Kính gửi:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng sốngày tháng năm giữa
Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch.....với
khách hàng vay vốn là:

Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH.....
xin thông báo:

- Số nợ gốc đến hạn ngày.....tháng.....năm.....là.....đồng.
- Số tiền gốc đã trả.....đồng.
- Số tiền gốc chưa trả đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày tháng
nămlà.....đồng.

(Bằng chữ:).

- Lãi suất nợ quá hạn :.....%/năm tương ứng của các kỳ theo quy định.

Lý do chuyển nợ quá hạn:

.....
.....

Yêu cầu khách hàng vay vốn là.....tìm mọi biện pháp
sớm trả nợ số tiền nợ quá hạn nói trên cho Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng
giao dịch NHCSXH...../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



CN NHCSXH (tỉnh, TP)...
PGD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 15/GQVL
NH lập: 02 liên
- 01 liên gửi KH;
- 01 liên lưu NH.

....., ngàytháng.....năm.....

THÔNG BÁO CHẤM DỨT CHO VAY

Kính gửi:

Địa chỉ.....

Ngày.....tháng.....năm....., Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH và khách hàng vay vốn là đã ký Hợp đồng tín dụng số ngày...../...../..... để.....:

Mức duyệt cho vay:.....đồng, đã giải ngân số tiền là..... đồng và dư nợ đến ngày...../...../..... làđồng.

Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH thông báo chấm dứt cho vay đối với khách hàng vay vốn là.....do đã vi phạm cam kết trong Hợp đồng tín dụng số.....ngày...../...../....., theo biên bản kiểm tra ngày/...../.....kèm theo, cụ thể:

-
-
-

Trong thời gian tối đa 03 tháng kể từ ngày thông báo, Quý khách hàng phải thực hiện trả nợ trước hạn, nếu không thực hiện trả nợ, Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH..... thực hiện chuyển nợ quá hạn số tiền nêu trên.

Chi nhánh NHCSXH (tỉnh, TP)/Phòng giao dịch NHCSXH thông báo để Quý khách hàng được biết./.

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

